TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2021
V/v "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, thành phố H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhiên- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2021/TLST – HNGĐ, ngày 08/10/2021 về tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1988; ĐKHK: Thôn L, xã K, huyện G, thành phố H. "Có mặt".

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị C, sinh năm 1993; ĐKHK: Thôn L, xã K, huyện G, thành phố H; chỗ ở: Thôn S, xã L, huyện G, thành phố H. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Anh C kết hôn với chị N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện G, thành phố H ngày 16/12/2015.

Sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống tại thôn L, xã K, huyện G, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ

chồng trở nên trầm trọng vào tháng 9/2020, dẫn đến việc chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị N ở thôn S, xã L sống từ tháng 9/2020 đến nay. Anh C đã cố gắng động viên chị N để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N.

Về con chung*:* Anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Hoài B, sinh ngày 03/11/2016. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh C là được nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị N là người nuôi dưỡng cháu B, thì anh không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, chị N nhất trí với phần trình bày của anh C.

Về quan hệ vợ chồng: Năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn trầm trọng nên 9/2020 chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn S, xã L sinh sống cùng với bố mẹ đẻ và ở từ đó cho đến nay. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh C.

Về con chung: Chị N đề nghị được nuôi cháu B, hiện nay cháu đang ở với chị, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị N; về con chung: Giao cháu B cho chị N nuôi dưỡng; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N; về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện G, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, thương yêu nhau nhau. Tháng 9/2020 cho đến nay vợ chồng sống ly thân cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, sinh lý; mặt khác chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn anh C. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng:

Xét thấy hiện nay chị N nuôi dưỡng cháu B ổn định, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên; mặt khác cháu B còn nhỏ là cháu gái nên rất cần sự quan tâm đặc biệt của người mẹ để cháu phát triển tâm, sinh lý nên giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn C được ly hôn với chị Trần Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoài B, sinh ngày 03/11/2016 cho chị N nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N cho đến khi cháu B thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0072773 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Quang